

2. Gán giá trị cho biến

- Sử dụng câu lệnh SET để gán giá trị cho biến.
- Hoặc gán trực tiếp bằng SELECT ... INTO.

Ví dụ:

```
SET total_sales = 100;

SELECT COUNT(*) INTO total_sales
FROM orders
WHERE order_date = CURDATE();
```

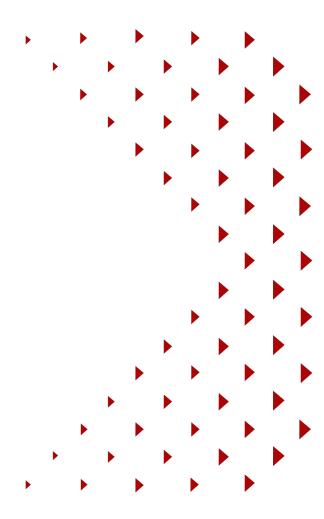
BÀI 6:

Procedure

Module: Fundamental Database

Phiên bản: 1.0







1. Tổng quan về procedure trong MySQL

Stored Procedure (Thủ tục lưu trữ) là một tập hợp các câu lệnh SQL được đóng gói và lưu trữ trong MySQL Server.

Stored Procedure

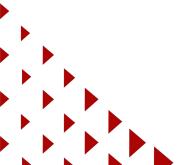
Stored Procedure (Thủ tục lưu trữ) được sử dụng để thực hiện các tác vụ phức tạp hoặc lặp đi lặp lại nhiều lần.

Được biên dịch và tối ưu hóa trên máy chủ, tăng hiệu năng giao tiếp giữa ứng dụng và cơ sở dữ liệu

Giúp ẩn chi tiết logic SQL, chỉ cần cấp quyền thực thi mà không phải cấp quyền truy cập trực tiếp vào bảng.



- 1. Tổng quan về procedure trong MySQL
- 2. Tạo và sử dụng một procedure trong MySQL
- 3. Biến (Variable)
- 4. Tham số IN và OUT trong Procedure
- 5. Cấu trúc điều khiển rẽ nhánh if-else trong stored procedure
- 6. Vòng lặp trong stored procedure





Tạo thủ tục Stored Procedure	1	Sử dụng từ khoá DELIMITER để tạm thời định nghĩa lại dấu phân cách mặc định (;) để có thể gửi toàn bộ stored procedure tới máy chủ dưới dạng một câu lệnh duy nhất.
	2	Sử dụng từ khoá CREATE PROCEDURE sp_name(parameter_list) để định nghĩa một procedure trong MySQL
	3	Đóng gói toàn bộ logic SQL trong 2 từ khoá BEGIN và END + dấu phân cách mới được định nghĩa bởi DELIMITER
	4	Sử dụng từ khoá DELIMITER để định nghĩa lại dấu phân cách mặc định về (;)



1. Tổng quan về procedure trong MySQL

```
SELECT
         customerName,
         city,
         state,
         postalCode,
         country
FROM
         customers
ORDER BY customerName;
```



```
DELIMITER $$
CREATE PROCEDURE GetCustomers()
BEGIN
        SELECT
                customerName,
                city,
                state,
                postalCode,
                country
        FROM
                customers
        ORDER BY customerName;
END$$
DELIMITER;
```



```
CALL GetCustomers();
```



```
DROP PROCEDURE [IF EXISTS] sp_name;
```





Trong MySQL, chúng ta hoàn toàn có thể tạo ra biến để lưu trữ thông tin tạm thời mà chương trình cần sử dụng

Có 2 loại biến chính là:

Biến cục bộ (Local variable) và biến người dùng (user-defined variable)

Biến cục bộ (Local variable) là biến chỉ được sử dụng và tồn tại trong phạm vi (scope) của stored procedure hoặc trigger

Biến người dùng (User-defined variable) là biến tồn tại trong suốt phiên làm việc của **kết nối hiện tại** với cơ sở dữ liệu. Hoàn toàn có thể, vì các biến này không bị giới hạn phạm vi.





```
SET @user_var = 20; -- Biến người dùng
SELECT @user_var; -- Truy cập được trong phiên làm việc hiện tại
```



Kết hợp với Stored Procedure:

```
DELIMITER //
CREATE PROCEDURE DemoUserVariable()
BEGIN

SET @user_var = 30; -- Gán giá trị cho biến người dùng
SELECT @user_var; -- Sử dụng biến người dùng
END //
DELIMITER;
```

Goi Stored Procedure:

```
CALL DemoUserVariable();
SELECT @user_var; -- Biến này vẫn tồn tại sau khi stored procedure kết thúc
```





Trong MySQL, biến cục bộ (local variable) thường được sử dụng trong **stored procedures** hoặc **stored functions**

Biến cục bộ (Local Variable)

Đây là các biến chỉ tồn tại trong phạm vi của khối lệnh mà chúng được khai báo (chẳng hạn trong một stored procedure) và sẽ bị hủy khi quá trình thực thi của khối lệnh đó kết thúc.

Sử dụng câu lệnh DECLARE để khai báo biến cục bộ.

Biến cục bộ phải được khai báo ở đầu khối lệnh trong stored procedure hoặc stored function, ngay sau câu lệnh BEGIN. Biến phải có kiểu dữ liệu rõ ràng (như INT, VARCHAR, DATE, v.v.)



1. Khai báo biến cục bộ

- Sử dụng câu lệnh DECLARE để khai báo biến cục bộ.
- Biến cục bộ phải được khai báo ở đầu khối lệnh trong stored procedure hoặc stored function,
 ngay sau câu lệnh BEGIN .
- Biến phải có kiểu dữ liệu rõ ràng (như INT, VARCHAR, DATE, v.v.).

```
DECLARE variable_name datatype [DEFAULT default_value];
```

Ví dụ:

```
DECLARE total_sales INT DEFAULT 0;

DECLARE customer_name VARCHAR(100);

DECLARE order_date DATE;
```



3. Sử dụng biến cục bộ

 Biến cục bộ có thể được sử dụng trong bất kỳ phần nào của stored procedure hoặc stored function, như trong biểu thức, câu lệnh điều kiện (IF), vòng lặp (WHILE), hoặc các câu lệnh SQL khác.



4. Tham số IN và OUT trong procedure

Trong MySQL, **IN**, **OUT** là các loại tham số (parameters) được sử dụng trong **stored procedures** để truyền dữ liệu vào và/hoặc ra khỏi procedure.

- IN Parameter: Tham số chỉ dùng để truyền dữ liệu vào procedure. Đây là kiểu mặc định.
- OUT Parameter: Tham số chỉ dùng để truyền dữ liệu ra khỏi procedure. Giá trị của tham số này có thể thay đổi bên trong procedure và được trả về cho người gọi.



Giả sử bạn có bảng products với cột quantity chứa số lượng sản phẩm trong kho, và bạn muốn tính tổng số lượng này trong một stored procedure:

```
CREATE PROCEDURE CalculateTotalQuantity()
BEGIN
   DECLARE total_quantity INT DEFAULT 0; -- Khai báo biến cục bộ
    -- Gán giá trị tổng số lượng sản phẩm vào biến
    SELECT SUM(quantity) INTO total_quantity
    FROM products;
   -- In ra kết quả
   SELECT total_quantity AS TotalQuantity;
END;
```



4. Tham số IN và OUT trong procedure

1. Cú pháp

Khi định nghĩa stored procedure, bạn khai báo loại tham số với cú pháp:

```
sql

CREATE PROCEDURE procedure_name(IN param1 datatype, OUT param2 datatype) BEGIN

-- Code logic

END;
```

5. Cấu trúc điều khiển if-else trong stored procedure



Trong MySQL, câu lệnh IF-ELSE có thể được sử dụng trong các stored procedures, triggers, hoặc khi viết các câu lệnh SQL trực tiếp.

Câu lệnh IF-ELSE trong Stored Procedure hoặc Trigger

 Khi sử dụng trong stored procedure hoặc trigger, IF-ELSE giúp chúng ta thực hiện các lệnh dựa trên điều kiện kiểm tra.





```
DELIMITER $$ -- Chuyển đổi delimiter để làm việc với stored procedure
CREATE PROCEDURE CheckNumber(IN input_number INT)
BEGIN
    IF input_number > 0 THEN
        SELECT 'Number is positive';
    ELSEIF input_number < 0 THEN</pre>
        SELECT 'Number is negative';
    FLSE
        SELECT 'Number is zero';
    END IF:
END$$
DELIMITER;
```

5. Cấu trúc điều khiển if-else trong stored procedure



Giải thích:

- IF input_number > 0 THEN: Kiểm tra nếu input_number lớn hơn 0.
- ELSEIF input_number < 0 THEN : Kiểm tra nếu input_number nhỏ hơn 0.
- ELSE: Nếu cả hai điều kiện trên đều không thỏa mãn, mặc định là input_number bằng
 0.



Trong MySQL, không có vòng lặp theo cách thức trực tiếp như trong các ngôn ngữ lập trình khác (như for, while, do-while trong C++ hoặc Java). Tuy nhiên, MySQL hỗ trợ các cơ chế lặp qua các câu lệnh trong các stored procedures hoặc triggers, thông qua các lệnh điều khiển dòng như LOOP, WHILE, REPEAT.



1. Vòng lặp LOOP

- Dùng để thực hiện một chuỗi các câu lệnh lặp đi lặp lại vô hạn hoặc cho đến khi thỏa mãn điều kiện dừng.
- Cú pháp:

```
DECLARE counter INT DEFAULT 0;

LOOP_LABEL: LOOP

-- Các câu lệnh trong vòng lặp

SET counter = counter + 1;

IF counter >= 5 THEN

LEAVE LOOP_LABEL; -- Thoát khỏi vòng lặp

END IF;

END LOOP_LABEL;
```



2. Vòng lặp WHILE

- Vòng lặp này kiểm tra điều kiện trước khi thực hiện các câu lệnh trong vòng lặp. Nếu điều kiện ban đầu là FALSE, vòng lặp sẽ không chạy.
- Cú pháp:

```
DECLARE counter INT DEFAULT 0;

WHILE counter < 5 DO

-- Các câu lệnh trong vòng lặp

SET counter = counter + 1;

END WHILE;
```



3. Vòng lặp REPEAT

- Vòng lặp này kiểm tra điều kiện sau khi thực hiện các câu lệnh trong vòng lặp. Vòng lặp sẽ luôn thực hiện ít nhất một lần.
- Cú pháp:

```
DECLARE counter INT DEFAULT 0;

REPEAT

-- Các câu lệnh trong vòng lặp

SET counter = counter + 1;

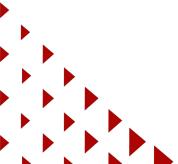
UNTIL counter >= 5

END REPEAT;
```





- Nắm được cách sử dụng stored procedure trong mysql
- Nắm được cách sử dụng biến trong mysql
- Nắm được cách sử dụng các tham số in và out trong stored procedure
- Nắm được cách sử dụng các cấu trúc điều khiển trong mysql như if-else, vòng lặp





KẾT THÚC

HỌC VIỆN ĐÀO TẠO LẬP TRÌNH CHẤT LƯỢNG NHẬT BẢN